

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục đầu tư dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2544/TTr-SLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục đầu tư dự án 1, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông năm 2022. Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Điều 2.

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Đức:

a) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, ngân sách nhà nước, các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện các dự án đảm bảo nguyên tắc, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng và các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

c) Đảm bảo khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn được giao hoàn thành các dự án, tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức căn cứ quy định hiện hành về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và tình hình thực tế tại địa phương để quyết định cơ quan làm chủ đầu tư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Đức.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ danh mục các dự án đầu tư thuộc Chương trình, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý đối với các nội dung do đơn vị trình tại Tờ trình số 2544/TTr-SLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, GTVT, GDĐT, NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, KGVX, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

Phụ lục

DANH MỤC ĐẦU TƯ DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch thực hiện năm 2022				Ghi chú
						Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương các cấp		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo				175.425,0	72.811,0	66.192,0	4.634,0	1.985,0	
A	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo				175.425,0	72.811,0	66.192,0	4.634,0	1.985,0	
I	Vốn Đầu tư cơ sở hạ tầng				173.353,0	70.739,0	64.308,0	4.502,0	1.929,0	
a	Các công trình giao thông				146.353,0	58.703,0	53.366,0	3.735,0	1.602,0	
1	Đường giao thông liên xã Đăk Bukso - Đăk R'tih (Đoạn từ trường Lý Tự Trọng đi Bon Me Ra xã Đăk R'tih)	Đăkbukso-ĐăkR'tih	2022-2024	Chiều dài L=12 Km; Bmặt=3,5m; Bnền=6m (đường cấp VI miền núi)	33.000,0	1.200,0	1.090,0	78,0	32,0	
2	Đường giao thông thôn 9, xã Đăk Buk So; Hạng mục: đoạn từ Hội trường thôn 9 đi thôn Tuy Đức	Thôn 9, Xã Đăk Buk So	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 3,45km	4.991,0	4.491,0	4.083,0	286,0	122,0	
3	Đường bê tông nội thôn 6, xã Đăk Buk So; Hạng mục: Đoạn từ nghĩa địa đến nhà ông Phong	Thôn 6, xã Đăk Buk So	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,34 km	3.386,0	3.047,0	2.770,0	194,0	83,0	
4	Đường từ ngã ba Cầu sập đi Đập Đăk R'ma, thôn 8 xã Đăk Bukso.	Đăk Buk So	2022-2024	Chiều dài L= 2,6 Km; Bmặt=3,5m; Bnền=6m (đường cấp VI miền núi)	8.000,0	2.740,0	2.491,0	174,0	75,0	
5	Đường bê tông nội thôn 6, xã Đăk Buk So; Hạng mục: Đoạn từ ngã ba trường TH Lý Tự Trọng đến nhà ông Huệ và ông Hạnh	Thôn 6, xã Đăk Buk So	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,3 km	3.328,0	2.996,0	2.723,0	191,0	82,0	
6	Đường bê tông nội thôn 7, xã Đăk Buk So; Hạng mục: từ nhà ông Đặng đến Nghĩa trang thôn 7	Thôn 7, xã Đăk Buk So	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,1 km	3.039,0	2.735,0	2.486,0	174,0	75,0	
7	Nâng cấp sửa chữa đoạn đường từ QL 14C đến đập Đăk Huýt 2, xã Quảng Trục	Bon Đăk Huýt, xã Quảng Trục	2022-2023	Công trình giao thông: Cấp IV; Nâng cấp, sửa chữa đường và hệ thống thoát nước, chiều dài khoảng 1,8km	1.800,0	1.620,0	1.473,0	103,0	44,0	
8	Đường giao thông liên xã Đăk R'Tih đi xã Đăk Bukso (Đoạn từ hồ Đăk R'tan đi ngã ba cầu sập)	Đăk Bukso - Đăk R'Tih	2022-2024	Chiều dài L = 8 Km; Bmặt=3,5m; Bnền=6m (đường giao thông nông thôn loại A)	24.000,0	1.200,0	1.091,0	76,0	33,0	



Stt	Danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch thực hiện năm 2022				Ghi chú
						Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương các cấp		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
9	Đường giao thông liên bon Diêng Ngaih - Rơ Muôn, xã Đăk R'Tih; Hạng mục: đoạn từ nhà ông Điều S'Mi đến ngã ba Tuyết Huy	Bon Diêng Ngaih, bon Rơ Muôn, xã Đăk R'Tih	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 3,2 km	4.688,0	4.218,0	3.835,0	268,0	115,0	
10	Đường giao thông thôn Doãn Văn, xã Đăk R'Tih; Hạng mục: đoạn từ suối Đăk R' Lấp đi hướng suối Đăk Mlanh	Thôn Doãn Văn xã Đăk R'Tih	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 3,3 km	4.835,0	4.352,0	3.956,0	277,0	119,0	
11	Đường từ Ngã 3 Bon Mê ra, xã Đăk R'Tih đi hướng về thôn Đăk Rtang, xã Quảng Tân	Đăk R'Tih	2022-2024	Chiều dài L=4,5 Km; Bmặt=3,5m; Bnền=6m (đường cấp VI miền núi)	13.000,0	4.400,0	4.000,0	280,0	120,0	
12	Đường giao thông thôn Doãn Văn, xã Đăk R'Tih. Hạng mục: Đoạn từ ngã 3 xóm bến tre đi suối Đăk R' lấp	Thôn Doãn Văn xã Đăk R'Tih	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,5 km	3.663,0	3.297,0	2.997,0	210,0	90,0	
13	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đăk ngo (Đoạn từ ngã ba Tây Thi đầu nối vào đường vào xã Đăk Ngo)	Quảng Tân - Đăk ngo	2022-2024	Chiều dài L=5,5 Km; Bmặt=3,5m; Bnền=6m (đường giao thông nông thôn loại A)	13.500,0	4.800,0	4.363,0	305,0	132,0	
14	Đường giao thông thôn 8 đi bon NDRong B, xã Quảng Tân	Thôn 8, Xã Quảng Tân	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,5 km	3.675,0	3.307,0	3.007,0	210,0	90,0	
15	Đường GTNT thôn 3 đi thôn 7, xã Quảng Tân	Thôn 3, xã Quảng Tân	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 3,4 km	4.998,0	4.498,0	4.089,0	286,0	123,0	
16	Đường liên thôn Đăk Mrang đi thôn Đăk MRê xã Quảng Tân (Đoạn ngã ba nhà ông Táy đi qua nhà văn hóa thôn Đăk Mrang)	Thôn Đăk Mrang, Đăk MRê, xã Quảng Tân	2022-2024	Chiều dài L=2,8km, B mặt = 3,5m; B nền = 5m (Đường giao thông nông thôn loại B)	9.000,0	3.100,0	2.818,0	197,0	85,0	
17	Đường giao thông nội bản Tân Lập Ninh Hòa, xã Đăk Ngo	Bản Ninh Hòa, xã Đăk Ngo	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,5 km	3.725,0	3.351,0	3.047,0	213,0	91,0	
18	Đường giao thông bon Phi Lơ Te, xã Đăk Ngo; Hạng mục: đoạn từ nhà ông Đông vào xóm người Hoa	Bon Phi Lơ Te, Xã Đăk Ngo	2022-2023	Đường GTNT cấp B, rộng 3m, dày 16cm, mác 250, dài khoảng 2,5 km	3.725,0	3.351,0	3.047,0	213,0	91,0	
b	Các công trình giáo dục				22.550,0	8.031,0	7.301,0	512,0	218,0	



Stt	Danh mục công trình	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch thực hiện năm 2022				Ghi chú
						Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương các cấp		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	Trường THCS Quang Trung, xã Đăk R'Tih; Hạng mục: 6 phòng bộ môn, 3 phòng chức năng, trang thiết bị và các công trình phụ trợ	Bu Dong, ĐăkR'th	2022-2024	6 phòng học bộ môn + trang thiết bị riêng cho từng phòng (gồm: 1 phòng âm nhạc, 1 phòng Mỹ thuật; 1 phòng công nghệ, 1 phòng khoa học tự nhiên; 1 phòng tiếng anh, 1 phòng tin học); 01 nhà vệ sinh cho học sinh; 3 phòng hỗ trợ học tập; bờ kè; tường rào; sân bê tông.	7.500,0	2.401,0	2.183,0	153,0	65,0	
2	Trường tiểu học Lý Tự Trọng, xã Đăk Búk So; Hạng mục: 04 phòng chức năng, trang thiết bị và các công trình phụ trợ	Thôn 6, xã Đăk Búk So	2022-2024	- Điểm chính thôn 6: 03 phòng chức năng (Phòng truyền thống, phòng đội TNTPHCM, phòng y tế), nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, cổng, tường rào, nhà để xe, sân thể dục, kè, san ủi mặt bằng; - Điểm lẻ bon Bu Boong: 01 phòng chờ giáo viên, nhà vệ sinh, sân thể dục	6.000,0	1.740,0	1.582,0	111,0	47,0	
3	Trường mầm non Hoa Hồng, xã Đăk Búk So; Hạng mục: 02 phòng hiệu bộ, phòng đa chức năng, phòng y tế, nhà bảo vệ, khu để xe, trang thiết bị, sân bê tông, nâng cấp sửa chữa hệ thống nước thải và ốp gạch chân tường	Thôn 6, Xã Đăk Búk So	2022-2024	Xây mới 02 phòng hiệu bộ, phòng đa chức năng, phòng y tế, nhà bảo vệ, khu để xe, trang thiết bị, sân bê tông, nâng cấp sửa chữa hệ thống nước thải và ốp gạch chân tường	4.150,0	1.440,0	1.309,0	92,0	39,0	
4	Trường mầm non Hoa Lan, xã Quảng Trục; Hạng mục: 06 phòng học lâu và trang thiết bị	Xã Quảng Trục	2022-2024	06 phòng học lâu và trang thiết bị	4.900,0	2.450,0	2.227,0	156,0	67,0	
c	Công trình thủy lợi				4.450,0	4.005,0	3.641,0	255,0	109,0	
1	Kênh mương kết hợp đường nội đồng từ bon BuN' Đơ đi bon Bu Koh, xã Đăk R'Tih	Bon Bu Koh xã Đăk R'Tih	2022-2023	Kênh mương và đường nội đồng, chiều dài khoảng L= 1,5 km	4.450,0	4.005,0	3.641,0	255,0	109,0	
II	Vốn sự nghiệp duy tu, sửa chữa				2.072,0	2.072,0	1.884,0	132,0	56,0	

